

Số: 37/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 28 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:16/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Mỹ T, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn T1, xã T3, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Võ Minh V, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Mỹ T và anh Võ Minh V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phùng Thị Mỹ T và anh Võ Minh V tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3 vào ngày 26/02/2014. Nay cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh V thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị T và anh V có 01 con chung là Võ Thiện N, sinh ngày 29/5/2014. Khi ly hôn, chị T và anh V thống nhất thỏa thuận giao con Võ Thiện N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con thành niên, đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án đã giải thích cho chị T biết quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng chị T vẫn không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con. Vì vậy, hiện tại anh V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định về việc cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Chị Phùng Thị Mỹ T và anh Võ Minh V trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị T và anh V trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành nên chỉ phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm là $300.000 \text{ đồng} \times 50\% = 150.000 \text{ đồng}$, trong đó chị Phùng Thị Mỹ T phải chịu 75.000 đồng và anh Võ Minh V phải chịu 75.000 đồng. Chị T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm tổng cộng là 150.000 đồng cả phần của anh V nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004072 ngày 25/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Quang Đức